

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BA BÈ
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/HS-ST
Ngày: 20/01/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA BÈ, TỈNH BẮC KẠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà **Ma Thị Nguyên**

- Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Hồng Vân** và bà **Nguyễn Thị Nga**.

- Thư ký phiên toà: Ông **Trần Văn Thử** - Thẩm tra viên chính, Tòa án nhân dân huyện Ba Bè, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Bè, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên toà: Ông **Nông Thiêm Mẫn** - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Bè, tỉnh Bắc Kạn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 55/2021/TLST-HS, ngày 29 tháng 12 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2022/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 01 năm 2022 đối với bị cáo:

Hoàng Văn T, Tên gọi khác: Không. Sinh ngày 1995 tại huyện Ba Bè, tỉnh Bắc Kạn. Nơi ĐKKTT và nơi ở hiện nay: Thôn B, xã M, huyện Ba Bè, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn H và bà Hứa Thị T; Vợ là Cụt Thị K (Đã ly hôn năm 2019) và 01 con sinh năm 2016; tiền sự: không; tiền án: 01, ngày 05/3/2019 bị Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 09 (Chín) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, đã chấp hành án xong hình phạt ngày 04/9/2019. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 17/12/2021 tại Nhà tạm giữ Công an huyện Ba Bè cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

*** Người bào chữa cho bị cáo:** Bà Nguyễn Phương Bằng - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

*** Bị hại:** Ông Hoàng Văn T, sinh năm 1968. Nơi cư trú: Thôn B (nay là thôn B), xã T, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt - có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Ông Hoàng Văn H, sinh năm 1968. Nơi cư trú: Thôn B, xã M, huyện Ba Bè, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt - có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Ông Hoàng Dương Đ, sinh năm 1991.

- Bà Nông Thị H, sinh năm 1994.

Đều cư trú: T, thị trấn C, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn.

(Ông Đ và bà H vắng mặt - có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 08/7/2021, Hoàng Văn T điều khiển xe mô tô BKS 97F7-3844 của ông Hoàng Văn H từ xã B, huyện Ba Bể đi huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn chơi. Khoảng 11 giờ cùng ngày khi đi đến địa phận thôn B, xã T, huyện Ba Bể thì Tr nảy sinh ý định trộm cắp tài sản đem bán để lấy tiền tiêu xài cá nhân. Khi nhìn thấy nhà của ông Hoàng Văn T không có người ở nhà, Tr đã trèo qua hàng rào vào sân nhà thấy hai bao ngô hạt để ở trước cửa bếp, Tr lấy luôn hai bao ngô và chở ra t, thị trấn C, huyện Ba Bể bán cho bà Nông Thị H được số tiền 402.000 đồng, Tr đã tiêu xài cá nhân hết số tiền trên. Sau khi phát hiện bị mất 02 bao ngô, ông T đã làm đơn đề nghị Công an giải quyết vụ việc.

Tại cơ quan điều tra Hoàng Văn Tr khai nhận, do bản thân không có tiền tiêu xài cá nhân và nghiện chất ma túy nên ngày 08/7/2021 Tr đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là 02 bao ngô hạt của ông Hoàng Văn T tại thôn B, xã Th, huyện Ba Bể đi bán được số tiền 402.000 đồng và đã chi tiêu cá nhân hết.

Tại kết luận định giá tài sản số: 84/KL-HĐĐG ngày 31/8/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Ba Bể kết luận: 02 (hai) bao ngô hạt có trọng lượng 67 kg có giá trị tại thời điểm mất trộm là: 469.000^d (*Bốn trăm sáu mươi chín nghìn đồng*).

Năm 2019, Hoàng Văn Tr đã bị Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 09 (chín) tháng tù về tội trộm cắp tài sản, nên lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản này (ngày 08/7/2021) chưa đủ định lượng về giá trị tài sản nhưng do Tr chưa hết thời hạn được xóa án tích nên phải chịu trách nhiệm về hành vi đã thực hiện.

Tại Bản cáo trạng số: 02/CT-VKSBB ngày 28/12/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn truy tố bị cáo Hoàng Văn Tr về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Điều luật có nội dung:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

.....

b, Đã bị kết án về tội này.....chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

.....
5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Bể giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Hoàng Văn Tr phạm tội “Trộm cắp tài sản” và áp dụng điểm b, khoản 1, Điều 173, Điều 38, Điều 50; điểm h, s, khoản 1, khoản 2, Điều 51/BLHS.

Xử phạt bị cáo Hoàng Văn Tr 09 (chín) đến 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17/12/2021.

Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

* Về trách nhiệm dân sự: Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu, nên đề nghị HĐXX không xem xét, giải quyết.

* Về xử lý vật chứng:

- Hai bao ngô đã được trả lại cho bị hại Hoàng Văn T.

- 01 xe mô tô BKS 97F7-3844 (xe đã qua sử dụng) đã trả cho ông Hoàng Văn H.

* Về án phí: Áp dụng Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn án phí. Đề nghị miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Trong phần tranh luận người bào chữa cho bị cáo nhất trí về Điều luật, tội danh các tình tiết giảm nhẹ mà Viện kiểm sát đã đề nghị áp dụng đối với bị cáo, tuy nhiên đề nghị xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ “bồi thường thiệt hại” phải theo điểm b, khoản 1, Điều 51/BLHS. Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền và miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo. Đề nghị xem xét cho bị cáo được hưởng 03 tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, h, s, khoản 1, Điều 51/BLHS cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất như Viện kiểm sát đề nghị.

Bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản như Viện kiểm sát đã truy tố và không có ý kiến tranh luận. Lời nói sau cùng: Xin được giảm nhẹ hình phạt.

- Bị hại vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt khẳng định đã nhận được tại sản bị trộm cắp và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm. Về trách nhiệm hình sự đề nghị HĐXX xét xử bị cáo theo quy định của pháp luật.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt khẳng định đã nhận được tiền bồi thường, không có yêu cầu gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt), nhưng tại cơ quan điều tra họ đã có lời khai đầy đủ, việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử của Tòa án. Căn cứ khoản 1 Điều 292 của Bộ luật tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2] Quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa Hoàng Văn Tr khai nhận: Khoảng 11 giờ 00 phút ngày 08/7/2021, tại thôn B (nay là thôn B), xã T, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn, Tr đã lén lút thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là 02 (hai) bao ngô hạt của ông Hoàng Văn T, có trị giá 469.000^d (*Bốn trăm sáu mươi chín nghìn đồng*). Lần trộm cắp này giá trị tài sản chưa đến mức phải chịu trách nhiệm hình sự nhưng do bị cáo đang có tiền án về hành vi “trộm cắp tài sản”, nên hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 173/BLHS. Hành vi bị cáo thực hiện thuộc trường hợp tội phạm ít nghiêm trọng.

Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng tài liệu, chứng cứ đã thu thập được và phù hợp với thời gian, địa điểm xảy ra tội phạm.

Như vậy có đủ căn cứ xác định việc truy tố, xét xử bị cáo Hoàng Văn Tr về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 173 của Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

Xét tính chất hành vi bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương, vì vậy cần xử lý nghiêm nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo thấy: Bị cáo có nhân thân xấu. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đều “Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”, “phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn” và đã tác động gia đình “bồi thường thiệt hại” cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, s, khoản 1, khoản 2, Điều 51/BLHS.

Người bào chữa cho bị cáo đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ “bồi thường thiệt hại” cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 51/BLHS là không được chấp nhận.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có tài sản, bản thân nghiện chất ma túy, không có khả năng thi hành án nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[4] Đối với bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Quá trình giải quyết vụ án, ông Hoàng Văn T đã nhận được 02 bao ngô, ông T không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Đối với ông Hoàng Văn H là bố đẻ của bị cáo: Sau khi được bị cáo Tr tác động, đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường cho ông Hoàng Dương Đ và bà Nông Thị H số tiền 402.000 đồng, ông Đ và bà H đã nhận đủ số tiền và không còn yêu cầu bồi thường gì thêm. Ông H không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả số tiền này, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với chiếc xe mô tô BKS 97F7- 3844 mà Tr đã sử dụng để đi trộm cắp tài sản ngày 08/7/2021, xác minh làm rõ xe mô tô là thuộc sở hữu của ông Hoàng Văn H, Tr tự ý lấy xe đi chơi và thực hiện hành vi trộm cắp ông H không biết. Xác định xe mô tô là của ông Hoàng Văn H, không liên quan đến hành vi phạm tội của Trường, ông Hoàng Văn H đã nhận được tài sản bị thu giữ là chiếc xe mô tô BKS 97F7- 3844 và không có ý kiến gì thêm, nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[5] Về vật chứng:

- 02 bao ngô hạt đã được trả cho bị hại Hoàng Văn T.

- 01 (một) chiếc mô tô BKS 97F7- 3844 đã được trả lại cho ông Hoàng Văn H.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 12; Điều 14; Điều 15 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn án phí. Xét thấy bị cáo đủ điều kiện miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

* Tuyên bố bị cáo Hoàng Văn Tr phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ vào điểm b, khoản 1, Điều 173; Điều 38; điểm h, s khoản 1, khoản 2, Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Hoàng Văn Tr 10 (Mười) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17/12/2021.

* Về án phí: Căn cứ Điều 12; Điều 14; Điều 15 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND huyện Ba Bể;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Chi cục THADS huyện Ba Bể;
- Công an huyện Ba Bể;
- Sở tư pháp tỉnh Bắc Kạn;
- THAHS;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Văn phòng.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ma Thị Nguyên

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Nga + Nguyễn Thị Hồng Vân

Ma Thị Nguyên

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Kạn; (1)
- VKSND tỉnh Bắc Kạn; (1)
- VKSND huyện Ba Bể (2);
- Bị cáo; (1)
- Nguyên đơn Dân sự; (1)
- Người có QL, NVLQ; (3)
- Chi cục THADS huyện Ba Bể; (1)
- Công an huyện Ba Bể; (1)
- Sở tư pháp tỉnh Bắc Kạn; (1)
- THAHS;
- Lưu hồ sơ vụ án; (1)
- Lưu Văn phòng. (1)

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ
THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Hoàng Anh Tuấn